

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2025/HSST.

Ngày: 09-05-2025.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH ĐỒNG NAI**

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Ngọc Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Ngẫu.

Bà Lý Thị Bạch Tuyết.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nông Đình Triều- Thư ký
Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Ông Lê
Trọng Minh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 05 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2025/HSST ngày 09 tháng 04 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 04 năm 2025 đối với bị cáo:

T, sinh năm 1994 tại Đồng Nai; căn cước công dân số 075094017047 ngày 09/08/2021; nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: Ấp C, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông E và bà K; bị cáo có vợ và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/07/2013 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 năm tù về tội Cố ý gây thương tích tại Bản án số 208/2013/HS-PT (được đặc xá vào ngày 31/08/2015, nộp án phí ngày 14/11/2013); bị cáo tại ngoại. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà O, sinh năm 1992, nơi cư trú: Tổ R, ấp X, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà O: Ông N-Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 05/2024 đến tháng 11/2024, T đã cho bà O, sinh năm 1992, trú tại: ấp Đất Mới, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, vay tiền 05 lần cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 04/05/2024, T cho bà O vay số tiền 60.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng, tổng lãi suất một năm là 180%/năm. Bà O đóng tiền lãi được 03 lần với tổng số tiền là 27.000.000 đồng.

Lần 2: Ngày 11/8/2024, T cho bà O vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng, tổng lãi suất một năm là 180%/năm. Bà O đóng tiền lãi được 01 lần với tổng số tiền là 3.000.000 đồng.

Lần 3: Ngày 13/10/2024, T cho bà O vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 15%/tháng, tổng lãi suất một năm là 180%/năm. Bà O đóng tiền lãi được 02 lần với tổng số tiền là 3.000.000 đồng.

Lần 4: Khoảng đầu tháng 11 năm 2024, T cho bà O vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 1.400.000đồng/tuần, tương đương 30%/tháng, tổng lãi suất một năm là 360%/năm. Bà O đóng tiền lãi được 05 lần với tổng số tiền là 7.000.000 đồng.

Lần 5: Khoảng giữa tháng 11/2024, T cho bà O vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 700.000 đồng/tuần, tương đương 30%/tháng, tổng lãi suất một năm là 360%/năm. Bà O đóng tiền lãi được 03 lần với tổng số tiền là 2.100.000 đồng.

Ngoài ra, khoảng giữa tháng 12/2024, bà O có chuyển trả cho T thêm số tiền 15.000.000 đồng tiền lãi.

Tổng cộng, số tiền T cho bà O vay là 120.000.000 đồng, lãi suất từ 15% đến 30%/tháng (tương đương 180% đến 360%/năm). Tổng số tiền lãi T đã thu của bà O là 57.100.000 đồng. Trừ số tiền lãi được tính theo quy định pháp luật thì T đã thu lợi bất chính số tiền 51.012.329 đồng. Hiện nay, bà O chưa trả được tiền gốc cho T.

Ngày 22/01/2025, bà O đến Cơ quan Công an huyện L tố cáo toàn bộ sự việc. Cùng ngày, T đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đầu thú khai hành vi phạm tội của mình, tự nguyện giao nộp 03 giấy ghi nợ có chữ ký của bà O.

Vật chứng thu giữ: 03 giấy ghi nợ có chữ ký của bà O do T giao nộp.

Tại Cáo trạng số: 99/CT-VKS-TB ngày 28 tháng 03 năm 2025, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị: Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, đề nghị xử

phạt bị cáo T từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Xử lý vật chứng: 03 giấy ghi nợ có chữ ký của bà O do T giao nộp lưu theo hồ sơ vụ án. Biện pháp tư pháp: đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng mà T sử dụng để cho vay, bà O chưa trả cho T nên buộc bà O nộp lại, để tịch thu, sung quỹ Nhà nước; đối với số tiền 6.087.671 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, cần buộc bị cáo T nộp lại để tịch thu, sung quỹ Nhà nước; đối với số tiền 51.012.329 đồng là khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà T thu được từ bà O, cần buộc T phải trả lại cho bà O; buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trong cáo trạng, nội dung phân tích, luận tội của Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa và không có ý kiến bào chữa gì thêm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông N thống nhất về tội danh và khung hình phạt đối với Viện kiểm sát nhân dân huyện L. Tuy nhiên, đối với biện pháp tư pháp: trong số tiền gốc là 120.000.000 đồng thì đề nghị Hội đồng xét xử buộc người có quyền lợi nghĩa vụ-bà O nộp lại số tiền 68.987.671 đồng để tịch thu, sung quỹ Nhà nước, buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 51.012.329 đồng để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; do bị cáo và người tham gia tố tụng khác cung cấp là đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử không ai có ý kiến thắc mắc, khiếu nại gì về tính hợp pháp của các chứng cứ nên những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận: Khoảng tháng 05/2024 đến tháng 11/2024, T đã cho bà O vay tiền 05 lần với tổng số tiền vay là 120.000.000 đồng, lãi suất từ 15% đến 30%/tháng (tương đương 180% đến 360%/năm). Tổng số tiền lãi T đã thu của bà O là 57.100.000 đồng. Trừ số tiền lãi được tính theo quy định pháp luật là 6.087.671 đồng thì T đã thu lợi bất chính số tiền 51.012.329 đồng. Sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được cho vay với lãi suất cao hơn quy định của pháp luật là vi phạm pháp luật nhưng do muốn kiếm tiền bằng con đường bất chính nên bị cáo cố ý hành động phạm tội, bất chấp sự trừng trị của pháp luật. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: bị cáo T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ thì thấy: Bị cáo có nhân thân xấu. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã ra đầu thú nên áp dụng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại

điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần mức hình phạt cho bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Xử lý vật chứng: 03 giấy ghi nợ có chữ ký của bà O do T giao nộp lưu theo hồ sơ vụ án.

[5] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[5.1] Đối với số tiền gốc 120.000.000 đồng mà T sử dụng để cho vay, bà O chưa trả cho T: Đây là công cụ bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà O nộp lại, để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

[5.2] Đối với số tiền 6.087.671 đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (khoản 1 Điều 468) mà T thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà O nên buộc bị cáo T nộp lại để tịch thu, sung vào công quỹ Nhà nước.

[5.3] Đối với số tiền 51.012.329 đồng là khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự (khoản 1 Điều 468) mà T thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà O nên buộc T phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan-bà O.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Về hành vi tố tụng, thẩm quyền tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, của Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện L và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật. Qua quá trình điều tra và truy tố, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 35 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.
- Xử phạt bị cáo T 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng.

2. Xử lý vật chứng: 03 giấy ghi nợ có chữ ký của bà O do T giao nộp lưu theo hồ sơ vụ án.

3. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

- Buộc bà O nộp lại số tiền 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng là

số tiền gốc mà T cho bà O vay để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo T nộp lại số tiền 6.087.671 (sáu triệu không trăm tám mươi bảy ngàn sáu trăm bảy mươi một) đồng là tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự để tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo T trả lại cho bà O số tiền 51.012.329 đồng là khoản tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự.

4. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo, người liên quan;
- VKSND H.L;
- VKS ND T. Đồng Nai;
- CQ CSĐT Công an T.Đồng Nai;
- CQTHAHS Công an T. Đồng Nai;
- Chi cục THADS H.L;
- PV 06 CA.T Đồng Nai;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND cấp xã nơi b/c cư trú;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Ngọc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Ngẫu – Lý Thị Bạch Tuyết

Đào Ngọc Nam